TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Q** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 193/2022/QĐST-HNGĐ	*Q, ngày 30 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ Hôn nhân gia đình thụ lý số: 185/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/12/2022. Giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị S**, sinh năm 1984, đăng ký HKTT: Thôn P, xã S, huyện Q, thành phố H.

Bị đơn: Anh **Tạ Văn T**, sinh năm 1982, đăng ký HKTT: Thôn P, xã S, huyện Q, thành phố H.

Căn cứ các điều 28, điều 35, điều 147, điều 212 và điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, điều 57, điều 58, điều 81, điều 82, điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điều 27, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 22/12/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị **Nguyễn Thị S** và anh **Tạ Văn T.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1.Về con chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Tạ Văn T có 01 con chung là Tạ Văn Đ, sinh ngày 27/12/2007. Ly hôn chị Sửu và anh T thỏa thuận: Giao con Tạ Văn

Đ cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác, chị Sửu có quyền đi lại thăm hỏi, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị S cho đến khi có yêu cầu hoặc cho đến khi có quyết định thay đổi khác.

2.2. Về tài sản chung, công sức đóng góp, các khoản vay hoặc cho vay của vợ chồng: Không đề nghị tòa giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị S tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000 đồng, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0000467 ngày 12/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, thành phố H. Hoàn trả chị S số tiền 150.000 đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- TAND thành phố H;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- UBND xã S;
- Lưu: hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Duy T